

VÀI NÉT VỀ VĂN HÓA VIỆT

Lời mở đầu

Tuổi về già, người ta thường gọi là tuổi cuối đời. Chúng tôi thiết nghĩ: có vị thích thể dục, thể thao, đánh cờ, đánh bài; có vị thích đọc sách, kể chuyện kim cổ; và cũng có nhiều vị thích sáng tác thơ và nhạc, v.v... Ngâm thơ, ngắm cảnh, nuôi chim chóc và cá kiểng, chăm sóc cây cảnh, vun trồng bông hoa... cũng là một lối sống riêng tư của mỗi quý vị cao niên.

Lắm lúc quý vị lại còn thích được sống gần gũi với con cháu, nhất là cháu chắt để kể chuyện cổ tích, hài hước hay châm biếm hay những chuyện tình cảm, buồn vui, thăng trầm của đời mình...

Qua chương mục này, chúng tôi ước mong quý vị cao niên nói chuyện tâm tình với con, cháu, chắt, cháu, v.v...

Cũng qua chương mục này, tuy không ở gần gũi bên cạnh quý vị nhưng con cháu cũng có thể được coi như đang sống quây quần bên quý vị và đang lắng nghe.

Ông già bà lão nói chuyện với con cháu

Lời Xưng Hô

Trong gia đình Việt Nam cũng như trong xã hội Việt Nam, lối xưng hô rất tế nhị và đa dạng. Lối xưng hô đứng đắn và nghiêm túc là một trong nhiều yếu tố biểu hiện tư cách, cương vị của một người trong sự giao thiệp hằng ngày với những người khác chung quanh. Mỗi dân tộc có những lối xưng hô truyền thống khác nhau, cách chào hỏi cung kính, đón tiếp ân cần vui vẻ, cử chỉ hành động khiêm nhường cũng không hẳn giống nhau. Xưng hô lịch sự và nhã nhặn minh chứng cho một nền văn hóa đặc thù của một dân tộc trong một góc độ nào đó, một thời gian hay một địa danh nào đó.

Nhà nho Việt Nam không quên khuyên bảo con cháu của họ là “Tiên học lễ, Hậu học văn”, có nghĩa là học lễ phép, lễ độ trước, học văn chương chữ nghĩa sau. Họ còn dặn dò thêm: “Muốn người ta kính trọng mình thì mình phải kính trọng người ta trước.”

Chữ lễ ở trên, trong bài này, chúng tôi xin trình bày trong phạm vi nhỏ và hẹp. Khi đề cập đến lễ người ta có thể nghĩ ngay là lễ phép, xưng hô cho có lễ độ.

— với bà con ruột thịt gần xa như ông bà sơ, ông bà cố, ông bà nội, ngoại, cha mẹ, vợ chồng, anh chị em, bác chú, cậu dượng, cô, dì, thím, mợ.

— với bạn bè thân mật hay không thân thích kể cả người láng giềng và xa lạ.

Trước hết, chúng tôi xin trình bày những danh từ đặc biệt có tính cách chung chung để tự xưng hô hay xưng hô cho người khác như “mình”, “qua”, và “nhà tôi”.

Sau đó, chúng tôi lần lượt đề cập đến danh xưng bác, chú, thím, cô (hay o), dượng bên nội và cậu mợ, dì dượng bên ngoại, v.v....

MÌNH, QUA và NHÀ TÔI

Trong gia đình Việt Nam, người vợ kính trọng chồng nên gọi chồng bằng anh, dù người chồng nhỏ tuổi hơn vợ hay có một địa vị trong xã hội thấp kém hơn vợ, người vợ luôn luôn tự xưng mình là em. Người chồng quý mến vợ bằng cách gọi vợ mình là em. Có những trường hợp người vợ lớn tuổi hơn chồng 10, 15 tuổi hoặc có một vài chức vụ ngoài xã hội cao hơn chồng. Người chồng vẫn tự xưng mình là anh đối với vợ.

Tuy nhiên giữa hai vợ chồng vẫn có một sự bình đẳng trong lúc xưng hô gọi nhau bằng “mình”.

Thí dụ: Mình ơi! Chiều nay mình có làm hay không? Có nghĩa là Anh

ơi! (hay Em ơi!) chiều nay Anh (hay Em) có đi làm hay không?

Vợ hay chồng có thể trả lời một cách thân yêu và trù mến:

“Chiều nay, mình không đi làm, mình chỉ muốn ở nhà bên cạnh với mình mà thôi!”

Trong câu nói trên có 3 chữ “Mình”. Hai chữ đầu có nghĩa là Anh (hay Em); chữ thứ ba là Em (hay Anh) tức là “Chiều nay, Anh không đi làm, Anh chỉ muốn ở nhà bên cạnh với Em mà thôi!” hoặc là “Chiều nay Em không đi làm, Em chỉ muốn ở nhà bên cạnh với Anh mà thôi!”

Ngoài chữ “Mình” để xưng hô bình đẳng với nhau giữa vợ chồng còn có chữ “Nhà Tôi, Nhà Em, Nhà Cháu” có thể được dùng để xưng hô với người khác.

Thí dụ một người bạn trai (hay gái) của chồng mình hỏi: “Anh có nhà không, hờ chị?” Người vợ có thể trả lời: “Sáng nay Nhà Tôi (Nhà Em) ở nhà đợi anh (hay Chị). Nhà tôi (hay Nhà em) mới đi ra ngoài. Mời Anh (hay Chị) vào nhà tôi đợi Nhà Tôi một tí xíu. Nhà tôi (Nhà em) sẽ về ngay!”

Nhưng đối với người cao niên, thuộc thế hệ cha ông của mình, người vợ (thí dụ ở trên) nên dùng chữ “Nhà Cháu” thay vì dùng chữ “Nhà Tôi” hay “Nhà Em”.

Lê Đức Phú